

Bản án số: 17/2026/HS-ST

Ngày: 19-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - bà Hà Thị Thu

- ông Nguyễn Quang Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Vi Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đức Chính và ông Khúc Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Dẫu Q**, sinh ngày 20/4/1978, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022078000525 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S và bà Triệu Thị B; có vợ: Voòng Si Múi và 02 con; nhân thân: ngày 02/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ (cũ) nay là TAND khu vực 4 - Quảng Ninh, tuyên phạt về phạm tội “Đánh bạc” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Dẫu V**, sinh ngày 02/8/1982, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022082004279 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn V1 và bà Triệu Thị T; có vợ: Chứu Thị T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

3. Họ và tên: **Triệu Quý D**, sinh ngày 29/12/1971, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022071010812 cấp ngày 22/12/2021; nơi cư trú: thôn N, xã

B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Tắc V2 và bà Đặng Thị C; có vợ: Đặng Thị X và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

4. Họ và tên: **Chiu Sinh H10**, sinh ngày 16/6/1988, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022088001470 cấp ngày 17/6/2021; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chiu Chăn H và bà Triệu Kim X1; có vợ: Triệu Thị C1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 02/11/2025 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

5. Họ và tên: **Chiu Đức K**, sinh ngày 07/3/1972, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022072003869 cấp ngày 15/4/2021; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chiu Cẩm S1 và bà Triệu Thị T; có vợ: Triệu Kim L1 và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

6. Họ và tên: **Đặng Phúc M**, sinh ngày 29/3/1986, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022086000879 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Dẫu Q1 và bà Triệu Thị H1; có vợ: Triệu Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 09/01/2026 đến ngày 12/01/2026 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

7. Họ và tên: **Trần Văn L2**, sinh ngày 15/7/1991, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022091006372 cấp ngày 15/4/2021; nơi cư trú: thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Đỗ Thị T3; có vợ: Triệu Thị B và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

8. Họ và tên: **Triệu A H2**, sinh ngày 12/8/1995, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022095001196 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quay N1 và bà Chiu Thị P; có vợ: Triệu Thị V3 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 03/11/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay

đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

9. Họ và tên: **Triệu Kim Q2**, sinh ngày 20/10/1977, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022077001158 cấp ngày 25/04/2021; nơi cư trú: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quay Ổ và bà Cháu Thị H3; có vợ: Cháu Thị H4 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Họ và tên: **Triệu Thị M1**, sinh ngày 02/11/1978, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 022178001152 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quay S2 và bà Đặng Kim H5; có chồng: Đặng Dầu T4 và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

11. Họ và tên: **Triệu Thị N**, sinh ngày 01/7/1985, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước số 022185001840 cấp ngày 16/7/2025; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quay P1 và bà Bàn Thị H6; có chồng: Đặng Dầu M2 và 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

12. Họ và tên: **Triệu Thị T**, sinh ngày 25/5/1976, tại B, tỉnh Quảng Ninh; căn cước số 022176003052 cấp ngày 25/4/2021; nơi cư trú: thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Tắc V4 và bà Bàn Thị C2; có chồng: Đặng Dầu S3 và 02 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 23/4/2025, bị Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” xảy ra ngày 10/3/2025. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, “Tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú, có mặt.

- *Người làm chứng*: chị Cháu Thị H7, chị Cháu Kim H8 và anh Triệu A T5, đều vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: anh Bùi Xuân L3, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, Đặng Dầu Q,

Đặng Dẫu V cùng nhau ăn cưới tại nhà anh Chiu Sinh H9, ở thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, Q nhờ Chiu Sinh Hương tìm địa điểm và chuẩn bị dụng cụ đánh bạc thì H10 đồng ý. Sau đó, H10 về nhà H10 lấy chiếu, bát, đĩa, bài và đồ cất quân vị đem lên khu vực đồi keo của anh Chiu Sinh K1, sinh năm 1976, trú tại thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh, cách đám cưới khoảng 100m, thì Q, V và một số người khác cũng đi theo. Khi đến đồi keo, H10 để các dụng cụ đánh bạc xuống đất và quay về phục vụ đám cưới. Viên trái chiếu còn Q cất 04 quân vị từ 02 lá bài T6 lơ khơ. Sau đó, V, Q và Triệu Quý D1 thống nhất với nhau chung tiền để đánh bạc với những người khác. Viên và Q mỗi người sẽ bỏ ra 2.500.000 đồng trước, thắng thua thế nào thì sẽ chia đều sau. Sau đó, V đưa cho D1 5.000.000 đồng để chốt số tiền khách đặt cược, thu và trả tiền cho khách khi hết mỗi ván chơi. Viên trực tiếp cầm cái là người xóc đĩa và nhận tiền đặt cược của những người chơi. Sau đó, lần lượt có Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2 đến xin Q, V, D1 chung tiền đánh bạc thì Q, V, D1 đồng ý. Cả nhóm thống nhất, Q và V ứng trước 5.000.000 đồng, sau khi chơi xong thắng thua thế nào sẽ chia đều cho tất cả những người chung tiền, nên K, L2, M chưa đưa tiền cho Q, V, D1, còn H2 đưa cho Q 5.000.000 đồng nhưng Q chưa đưa cho V và D1. K, M, L2, Q không trực tiếp tham gia đánh bạc mà ngồi quan sát, riêng H2 có một ván chủ động gom tiền đánh bạc từ trên chiếu đưa cho D1. Đánh bạc với nhóm của V có Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T, Triệu Kim Q2 trực tiếp đặt cược. Quá trình đánh bạc thì không ai phải nộp tiền hồ, tiền phé cho ai.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: các đối tượng cho 04 quân vị hình tròn (được cất từ quân bài T6 lơ khơ một mặt màu trắng có hình đỏ, một mặt tối màu) vào 01 chiếc đĩa sứ và dùng 01 chiếc bát sứ úp lên. V cầm cái là người cầm bộ bát đĩa “xóc” các quân vị và nhận tiền đặt cược của những người chơi khác. Sau khi V “xóc” cho các quân vị thay đổi vị trí, người chơi sẽ lần lượt đặt tiền vào các cửa, bên phải người cầm cái là cửa chắn, bên trái người cầm cái là cửa lẻ, người chơi có thể tùy ý đặt tiền (thấp nhất là 10.000 đồng, không giới hạn số tiền đặt cược tối đa). Sau khi những người chơi đặt tiền xong, V sẽ mở bát: Nếu cả 04 quân vị cùng một màu trắng hoặc cùng một mặt tối màu; hoặc 02 quân vị trắng, 02 quân vị tối màu thì người đặt tiền ở cửa chắn thắng, người đặt tiền ở cửa lẻ thua. Ngược lại nếu 03 quân vị cùng màu, 01 quân vị khác màu thì người đặt tiền ở cửa lẻ thắng, người đặt tiền ở cửa chắn thua. Dòì là người thu và trả tiền cho khách, người thắng sẽ được trả số tiền tương ứng với số tiền mà họ đã đặt lúc chưa mở bát, người thua sẽ mất toàn bộ số tiền mà họ đặt cược trước khi mở bát.

Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị lực lượng công an xã B đã phát hiện, bắt quả tang được Triệu Quý D, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T, Triệu Kim Q2, còn các đối tượng khác đã bỏ chạy. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc: số tiền 12.800.000 đồng; 01 chiếc chiếu nhựa hình vuông, kích thước (02x02) mét; 01 dụng cụ cất quân vị màu cam; 02 lá bài T6 lơ khơ đã bị cất lấy quân vị. Cách vị trí đánh bạc khoảng 30 mét về phía Đông Bắc, phát hiện thu giữ: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn. Thu giữ: tại túi quần phía trước bên phải của Triệu Quý D 8.300.000 đồng; tại túi quần phía sau bên phải của Triệu Thị

N 1.400.000 đồng; thu giữ tại vị trí ngồi đánh bạc của Triệu Thị T và Triệu Kim Q2 số tiền lần lượt là 40.000 đồng và 290.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ 04 điện thoại di động của D, M1, T, Q2.

Đến ngày 02/11/2025, Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Chiu Đức K, Trần Văn L2, Triệu A H2, Chiu Sinh H10 đã đến Công an xã B đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, Kim giao N2 900.000 đồng, L2 giao nộp 2.000.000 đồng là tiền các đối tượng dự định chung tiền đánh bạc, Q giao nộp 5.000.000 đồng là tiền H2 đưa cho Q chung tiền đánh bạc. K, L2, Q, H2 mỗi người còn giao nộp 01 điện thoại di động.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Ngoài ra, D còn khai, đối với số tiền 8.300.000 đồng bị thu giữ trên người khi bắt quả tang, D chỉ dự định bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc; N khai số tiền 1.400.000 đồng bị thu giữ trên người khi bắt quả tang không sử dụng vào việc đánh bạc; T khai số tiền 40.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang là số tiền T dùng để đánh bạc; Q2 có lời khai trong hồ sơ số tiền 290.000 đồng bị thu giữ khi bắt quả tang là số tiền Q2 dùng để đánh bạc.

Người làm chứng anh Triệu A T5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, tại khu vực đồi đồi diện, cách đám cưới khoảng 100m, anh thấy một bãi đất trống đã có sẵn 01 chiếc chiếu, tại đây anh gặp Q và Dòi. Anh nói với Q rằng “Tý nữa có người đánh bạc thì gọi em với nhé” Q đồng ý, anh đợi một lúc không có người chơi thì đi về nhà, từ khi anh về nhà không thấy Q gọi điện nên anh chưa đưa tiền để chung đánh bạc với Q.

Người làm chứng chị Chiu Thị H7, chị Chiu Kim H8 đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, chị H7 và chị H8 còn khai khoảng 14 giờ ngày 31/10/2025, nghe mọi người nói ở trên đồi keo có một số người đang đánh bạc, chị H7 và chị H8 vừa đến vị trí mọi người đánh bạc thì thấy lực lượng Công an đến bắt quả tang, nên hai chị không biết ai tổ chức đánh bạc, rủ rê đánh bạc, ai là người tham gia đánh bạc cũng như chuẩn bị dụng cụ đánh bạc.

Người chứng kiến anh Bùi Xuân L3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng.

Về vật chứng: các vật chứng gồm: 01 chiếc chiếu nhựa hình vuông, kích thước (02x02)m; 01 dụng cụ cắt quân vị màu cam; 02 lá bài T6 lơ khơ đã bị cắt lấy quân vị; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn; 08 điện thoại (kèm sim) thu giữ của D, M1, T, Q2, K, L3, Q, H7 chuyển Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh; tổng số tiền 30.730.000 đồng gửi tại phòng G - Kho bạc nhà nước khu vực III, tỉnh Quảng Ninh để bảo quản theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2,

Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T về tội “*Đánh bạc*”, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đặng Dẫu Q từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Đặng Dẫu V từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Chiu Sinh H10 từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Chiu Đức K từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Đặng Phúc M từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn L2 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Triệu A H2 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Triệu Quý D từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 (hai mươi tám) đến 32 (ba mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Triệu Kim Q2 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị M1 từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị N từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Triệu Thị T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi những ngày bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025).

Giao các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu nhựa hình vuông, kích thước (02x02)m; 01 (một) bát sứ cũ; 01 (một) đĩa sứ cũ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây; 02 (hai) lá bài tây, mỗi lá bị cắt khuyết hai lỗ hình tròn; 01 (một) bộ dụng cụ cắt quân vị màu cam.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 21.530.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng N3.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Dẫu Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A74, bên trong gắn 01 sim số 0328.568.906, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại chi bị cáo Triệu Quý D: 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng N3; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A18, bên trong gắn 01 sim số 0343.223.499, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Chiu Đức K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, bên trong gắn 01 sim số 0355.722.199, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn L2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F99, bên trong gắn 01 sim số 0348.066.459, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu A H2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36, bên trong gắn 01 sim số 0866.768.518, máy đã qua sử dụng.
- Trả lại cho bị cáo Triệu Kim Q2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, bên trong gắn 01 sim số 0367.832.783, máy đã qua sử dụng.
- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị M1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, bên trong gắn 01 sim số 0966.125.813, máy đã qua sử dụng.
- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58, bên trong gắn 01 sim số 0373.157.355, máy đã qua sử dụng.
- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị N: 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng N3.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo Trần Văn L2, Triệu Thị T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt còn các bị cáo khác đều giữ thái độ im lặng không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: về hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: vật chứng thu giữ, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, tại thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh, Chiu S chuẩn bị các dụng cụ gồm: chiếu, bài, bát sứ, đĩa sứ và đồ cất quân vị cho Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T, Triệu Kim Q2. Tổng số tiền đánh bạc là 21.530.000 đồng, đến 14 giờ cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang. Hành

vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt trong nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương là nguyên nhân làm cho các tệ nạn gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong lúc Đảng và Nhà nước đang lên án và kiên quyết bài trừ tệ nạn cờ bạc ra khỏi đời sống xã hội, các bị cáo đều nhận thức được điều này nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân muốn có tiền nhanh chóng thông qua việc đánh bạc nên các bị cáo đã phạm tội. Do vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đặng Dầu Q giữ vai trò chính trong vụ án, vì bị cáo Q đã chủ động khởi xướng đánh bạc với các bị cáo khác nên bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao nhất; tiếp theo là bị cáo Đặng Dầu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10 tích cực cùng với Q góp tiền, trực tiếp cầm cái, thu tiền, trả tiền cho những người chơi, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ để tổ chức đánh bạc nên các bị cáo V, D, H10 phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo Q; tiếp theo là bị cáo Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2 không trực tiếp tham gia đánh bạc với những người chơi nhưng cùng nhau thống nhất góp tiền, thỏa thuận thắng thua cùng hưởng sau khi kết thúc việc đánh bạc với những người chơi nên các bị cáo K, M, L2, H11 phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo V, D, H10; tiếp theo là các bị cáo Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T có vai trò ngang nhau trực tiếp đánh bạc với các bị cáo nên các bị cáo Q2, M1, N, T giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo Triệu Thị T có 01 tiền sự: ngày 23/4/2025, bị Công an xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” xảy ra ngày 10/3/2025; bị cáo Đặng Dầu Q có nhân thân xấu: ngày 02/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh) tuyên phạt về tội “Đánh bạc” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự. Còn các bị cáo khác đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu A H2, Chiu Đức K, Trần Văn L2, Chiu S, Đặng Phúc M sau khi phạm tội đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo Trần Văn L2 có ông nội là liệt sĩ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước; bị cáo Triệu Thị T được chính quyền địa phương xác nhận trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt qui định của địa phương và chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng thường xuyên ốm đau và là lao động chính trong gia đình nên các bị cáo Q, V, H2, K, L2, H10, M, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy đến nay các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình; bị cáo Triệu Kim Q2 bị ung thư giai đoạn cuối. Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo mà để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cùng với sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình thì cũng thể hiện sự nghiêm khắc với hậu quả của các bị cáo gây ra, đồng thời cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, chưa cần thiết buộc các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N phải đi chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa mà tích cực cải tạo thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội. Riêng đối với bị cáo Triệu Thị T có một tiền sự chưa hết thời hạn được coi như chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục phạm tội, bị cáo có chồng và mẹ chồng thường xuyên ốm đau cần có người chăm sóc và là lao động chính trong gia đình. Nhưng dù có xem xét giảm nhẹ đến đâu thì cũng phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, buộc bị cáo Triệu Thị T phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý biện pháp ngăn chặn: các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Tuy nhiên, sau khi xem xét, đánh giá tính chất

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đang áp dụng đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) chiếc chiếu nhựa hình vuông; 01 (một) bát sứ cũ; 01 (một) đĩa sứ cũ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây; 02 (hai) lá bài tây, mỗi lá bị cắt khuyết hai lỗ hình tròn; 01 (một) bộ dụng cụ cắt quân vị màu cam các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A74, bên trong gắn 01 sim số 0328.568.906, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đặng Dầu Q; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A18, bên trong gắn 01 sim số 0343.223.499, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Triệu Quý D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, bên trong gắn 01 sim số 0355.722.199, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Chiu Đức K; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F99, bên trong gắn 01 sim số 0348.066.459, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trần Văn L2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36, bên trong gắn 01 sim số 0866.768.518, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Triệu A H2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, bên trong gắn 01 sim số 0367.832.783, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Triệu Kim Q2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, bên trong gắn 01 sim số 0966.125.813, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Triệu Thị M1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58, bên trong gắn 01 sim số 0373.157.355, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Triệu Thị T là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 12.800.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 8.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu Quý D; trong đó, có 500.000 đồng bị cáo sẽ dùng để đánh bạc; 900.000 đồng thu giữ của bị cáo Chiu Đức K sẽ dùng để đánh bạc; 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn L2 sẽ dùng để chung tiền với các bị cáo Q, V, D, K, M, H2 để đánh bạc và 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu A H2 là tiền bị cáo H2 đưa cho Q để chung tiền đánh bạc, đây là tiền các bị cáo D, K, L2, H2 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 7.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu Quý D; 1.400.000 đồng thu giữ của bị cáo Triệu Thị Nhất là tài sản hợp pháp của các bị cáo D, N không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với anh C3 Sinh Kim là chủ đôi cây keo mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc, nhưng anh K không biết nên không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N và Triệu Thị T phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đặng Dẫu Q 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Đặng Dẫu V 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Chiu Sinh H10 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Chiu Đức K 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Đặng Phúc M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn L2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Triệu A H2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Triệu Quý D 14 (mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Triệu Kim Q2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị M1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị N 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Triệu Thị T 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi những ngày bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 31/10/2025 đến ngày 07/11/2025).

Giao các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cấm bị cáo Triệu Thị T đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày tuyên án cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ số: 15 đến số 25/2026/HSST-LCĐKNCT, ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh đang áp dụng đối với các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N.

4. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu nhựa hình vuông, kích thước (02x02)m; 01 (một) bát sứ cũ; 01 (một) đĩa sứ cũ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tây; 02 (hai) lá bài tây, mỗi lá bị cắt khuyết hai lỗ hình tròn; 01 (một) bộ dụng cụ cắt quân vị màu cam.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 21.530.000 đồng (hai mươi một triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền ngân hàng N3.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Dẫu Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A74, số IMEI 1: 866686055218415, số IMEI 2: 866686055218407, bên trong gắn 01 sim số 0328.568.906, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Quý D: 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng N3; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A18, số IMEI 1: 862446064718234, số IMEI 2: 862446064718226, bên trong gắn 01 sim số 0343.223.499, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Chiu Đức K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s, số IMEI 1: 861128059798998, số IMEI 2: 861128059798980, bên trong gắn 01 sim số 0355.722.199, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn L2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F99, số IMEI 1: 860163040386273, số IMEI 2: 860163040386265, bên trong gắn 01 sim số 0348.066.459, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu A H2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y36, số IMEI 1: 862603068848256, số IMEI 2: 862603068848249, bên trong gắn 01 sim số 0866.768.518, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Kim Q2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15s, số IMEI 1: 867251056032981, số IMEI 2: 867251056032999, bên trong gắn 01 sim số 0367.832.783, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị M1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, số IMEI 1: 862366055447314, số IMEI 2: 862366055447306, bên trong gắn 01 sim số 0966.125.813, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58, số IMEI 1: 864818064335797, số IMEI 2: 864818064335789, bên trong gắn 01 sim số 0373.157.355, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Triệu Thị N: 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng N3.

(được niêm phong gửi Kho bạc theo biên bản giao nhận tài sản số: 01/BBBG-CQ Cảnh sát điều tra ngày 09/12/2025, giữa Kho bạc nhà nước khu vực III, tỉnh Quảng Ninh-Phòng G và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q).

(tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 34/BB-THA/KV4, ngày 11 tháng 02 năm 2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q).

5. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đặng Dẫu Q, Đặng Dẫu V, Triệu Quý D, Chiu Sinh H10, Chiu Đức K, Đặng Phúc M, Trần Văn L2, Triệu A H2, Triệu Kim Q2, Triệu Thị M1, Triệu Thị N, Triệu Thị T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- CQCSĐT Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC 10);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Quảng Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh (PV 06);
- Lưu hồ sơ, VP./.

Nguyễn Thùy Dương